

Bản án số: 70/2024/HC-PT

Ngày: 28/02/2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về lĩnh vực
quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tấn Hoàng

Ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 401/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 12 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 139/2023/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2024/QĐPT-HC ngày 23 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần L, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần L: Ông Lê Quang V, sinh 1952; địa chỉ: tổ H, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, (Giấy uỷ quyền được Văn phòng C2 ngày 20/11/2023), có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam; Địa chỉ: số B T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị N – Phó Chủ tịch, vắng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trương Công H – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1962; địa chỉ: tổ H, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1972;

3. Bà Trần Thị T;

Cùng địa chỉ: thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1, bà T: Ông Trần Công K; địa chỉ: thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người làm chứng: Trần H2, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Ngày 21/5/1994, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T ban hành Quyết định số 74/QĐ-UBND giao đất cho ông Trần L và bà Trương Thị Đ diện tích 200m², chiều dài 20m, chiều rộng 10m, thuộc thửa đất số 589, tờ bản đồ số 1, xã B, huyện T có diện tích 6890m². Thực hiện kê khai, đăng ký đất đai theo Nghị định 60/NĐ-CP, ông L kê khai, đăng ký thửa đất 991, tờ bản đồ số 03, diện tích 519m². Ngày 24/7/2000, hộ ông L được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy chứng nhận) số O 31191 (vào sổ cấp Giấy chứng nhận 536/QSĐĐ) đối với diện tích đất 200m² thổ cư tại thửa đất số 991, tờ bản đồ số 03, xã B, huyện T, thời hạn sử dụng lâu dài (Giấy chứng nhận không thể hiện hình thể thửa đất).

Năm 2003 hộ ông L chuyển nhượng cho bà Trần Thị S 80m², theo Hợp đồng số 37 ngày 12/11/2003, vị trí chuyển nhượng có tứ cận Bắc giáp đất hoang, Nam giáp hành lang đường, Tây giáp đất ở ông H3, Đông giáp đất còn lại của thửa đất. Năm 2004, hộ ông L tiếp tục chuyển nhượng cho ông Võ Tấn Đ1 80m², theo Hợp đồng số 182 ngày 12/5/2004, vị trí chuyển nhượng có tứ cận Bắc giáp đất hoang, Nam giáp hành lang đường, Tây giáp đất ở bà S, Đông giáp đất còn lại làm giao thông.

Ông L cho rằng diện tích đất hộ ông được cấp Giấy chứng nhận là 200m², ông đã chuyển nhượng 160m², còn lại 40m²; Khi UBND huyện T cấp đất cho các hộ dân phía sau lô đất của ông để làm nhà ở nhưng không bố trí lối đi nên các hộ dân đã sử dụng diện tích 40m² của gia đình ông làm lối đi tạm. Do đó, ngày 25/01/2021 (ngày công văn đến) ông L khiếu nại việc giao đất của UBND huyện T đối với gia đình ông và đề nghị UBND huyện T xem xét, giải quyết để gia

đình ông sử dụng đối với diện tích đất còn lại 40m² theo Giấy chứng nhận sau khi đã chuyển nhượng cho hộ bà Trần Thị S và hộ ông Võ Tấn Đ1.

Ngày 06/3/2021, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Thông báo số 72/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại của ông L. Đồng thời ban hành Quyết định số 633/QĐ-UBND thành lập Tổ xác minh để xác minh giải quyết khiếu nại của ông L.

Ngày 23/02/2022, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 462/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông L với nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông L, với lý do UBND huyện T giao đất và cấp Giấy chứng nhận cho hộ ông Trần L không đúng với thực tế, khi cấp Giấy chứng nhận đã cấp bao gồm cả phần đất con đường nối liền thôn A và thôn A, xã B. Đồng thời với việc giải quyết khiếu nại của ông L, Chủ tịch UBND huyện T giao nhiệm vụ cho Phòng T, Chi nhánh Văn phòng Đ2 tham mưu thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông L, cập nhật chỉnh lý hồ sơ địa chính.

Ông L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Đ (vợ ông L) không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T vì cho rằng: Diện tích đất 40m² hiện đang là lối đi vào nhà ông Nguyễn Văn H1 nằm trong diện tích đất 200m² gia đình ông được UBND huyện T cấp đất vào năm 1994 và được cấp Giấy chứng nhận vào năm 2000. Do đó, ngày 25/3/2022, ông L khởi kiện tại Tòa án, ngày 17/02/2023 ông L bổ sung yêu cầu khởi kiện, theo đó ông L yêu cầu giải quyết huỷ quyết định giải quyết khiếu nại số 462/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và buộc Ủy ban nhân dân huyện T công nhận phần diện tích đất 40m² tại thôn A, xã B, huyện T thuộc thửa số 991, tờ bản đồ số 3 cho gia đình ông theo Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 21/5/1994 của UBND huyện T.

Người bị kiện không có Văn bản nêu ý kiến của mình về nội dung khởi kiện của ông L, vắng mặt trong tất cả các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị T và người đại diện hợp pháp của ông H1, bà T đều cho rằng con đường có từ trước đến nay, con đường này không chỉ đi vào nhà ông H1 mà còn là con đường người dân đi sản xuất, nên việc ông L cho rằng diện tích 40m² thuộc con đường nằm trong Giấy chứng nhận của ông L là không đúng sự thật.

Bản án hành chính sơ thẩm số 139/2023/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; Điều 116; Điều 158; điểm a, khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 1998), điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 của Luật Khiếu nại năm 2011; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần L về việc: Huỷ quyết định giải quyết khiếu nại số 426/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và buộc Ủy ban nhân dân huyện T công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 40m², tại thôn A, xã B, huyện T thuộc thửa số 991, tờ bản đồ số 3 cho gia đình ông theo Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 21/5/1994 của UBND huyện T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/9/2023, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Trần L, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong giai đoạn xét xử phúc thẩm; về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, kháng cáo của người khởi kiện không có căn cứ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính: bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự và xem xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện ông Trần L không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đồng thời bổ sung yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xử huỷ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

[2] Do không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 426/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, ông Trần L khởi kiện yêu cầu Toà án: Huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 426/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của Chủ tịch UBND huyện T và buộc UBND huyện T công nhận quyền sử dụng đất với diện tích 40m². Toà án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần L. Ông Trần L kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Theo Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 21/5/1994 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy chứng nhận) số O 31191 ngày 24/7/2000 của UBND huyện T, thì hộ ông L được UBND huyện T giao đất không thu tiền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận đối với diện tích đất 200m² tại thửa đất số 991,

tờ bản đồ số 03, xã B, huyện T. Năm 2003, hộ ông L chuyển nhượng cho bà Trần Thị S 80m². Năm 2004, hộ ông L tiếp tục chuyển nhượng cho ông Võ Tấn Đ1 80m². Như vậy, sau khi chuyển nhượng hộ ông L còn lại 40m² so với diện tích đất được ghi trong Giấy chứng nhận. Theo trình bày của ông L, bà Đ và M trích đo địa chính do Văn phòng Đ2 duyệt ngày 06/7/2023, kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thì diện tích đất 40m² này hiện nay đang là lối đi vào nhà ông Nguyễn Văn H1 có chiều rộng 2,65m, giới hạn bởi nhà ông Võ Tấn Đ1 và nhà ông Nguyễn Văn C.

[2.2] Theo Sơ đồ vị trí khu vực thu hồi đất, giao đất kèm quyết định số 227/QĐ-UB ngày 01/8/1997 và số 411/QĐ-UBND ngày 01/11/1997 của UBND huyện T giao đất cho ông Nguyễn Ngọc Q, bà Trần Thị Hồng C1 và ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị T thể hiện vị trí đất các ông bà được giao có lối đi vào.

[2.3] Tại Biên bản làm việc ngày 30/9/2020 (BL-56) về việc tổ chức họp xác minh nguồn gốc đất và P lấy ý kiến khu dân cư ngày 18/12/2020 của UBND xã B, huyện T về nguồn gốc đất đối với diện tích đất ông Trần L khiếu nại thể hiện: *“Theo đơn khiếu nại của ông Trần L là Nhà nước giao đất cho gia đình ông là 10m mặt tiền đường liên xã đến năm 2003 ông đã chuyển nhượng cho 02 hộ với diện tích 160m², hiện nay còn 40m² hiện trạng là đường nội đồng để nhân dân đi sản xuất.”*; *“Con đường này có trước năm 1975 đến nay được nối liền từ thôn A đi thôn A đến nay, trước đây gia đình ông L đã bọc móng nhà nhưng cũng chừa con đường này. Việc chênh lệch diện tích đất của hộ ông Trần L đề nghị xem xét không liên quan đến tuyến đường đi sản xuất này.”*

[2.4] Theo hồ sơ chuyển nhượng và cấp Giấy chứng nhận cho ông Võ Tấn Đ1 đối với diện tích đất ông L, bà Đ chuyển nhượng cho ông Đ1, tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới khu đất ngày 27/5/2004 và Trích lục bản đồ kèm theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được UBND xã B xác nhận ngày 27/5/2004 đều thể hiện ranh giới phía đông của diện tích đất ông L, bà Đ chuyển nhượng cho ông Đ1 giáp đường đi. Tại Bút lục số 111, Biên bản xác định ranh giới, mốc giới khu đất ngày 27/5/2004, thể hiện: *Ranh giới phía Đông giáp đường xóm.*

[2.5] Tại Đơn khiếu nại ngày 12/01/2021 (BL 80,81), ông L nêu *“Sau đó vài năm Nhà nước giao đất cho hai hộ dân làm nhà nằm phía sau lô đất gia đình tôi mà không bố trí lối đi, nên các hộ dân, sử dụng phần đất còn lại (40m²) của gia đình tôi làm lối đi tạm”*, điều này cho thấy ông L cũng thừa nhận lối đi đã có từ khi UBND huyện T giao đất cho ông Q - bà C1, ông H1 - bà T làm nhà năm 1997, phù hợp với Sơ đồ vị trí đất ông Q - bà C1, ông H1 - bà T thể hiện vị trí đất các ông, bà được giao có lối đi vào.

[2.6] Diện tích đất 40m² ông L khiếu nại, khởi kiện hiện đang là lối đi duy nhất vào nhà ông Nguyễn Văn H1 có chiều rộng 2,65m, giới hạn bởi nhà ông Võ Tấn Đ1 và nhà ông Nguyễn Văn C. Lối đi này được hình thành ít nhất từ năm 1997, khi ông Q - bà C1, ông H1 - bà T được UBND huyện T giao đất làm nhà và trước thời điểm hộ ông L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các hộ gia đình ông Q, ông H1 sử dụng diện tích đất 40m² này làm lối đi. Hộ

ông L không sử dụng đất từ trước khi được cấp Giấy chứng nhận cho đến nay. Do đó, tại quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã xác định: khi UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận cho hộ ông L không đúng với thực tế, đã cấp bao gồm cả phần đất con đường nối liền thôn A và thôn A, xã B là có cơ sở. Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 31191 ngày 24/7/2000 của UBND huyện T đã cấp cho hộ ông L bao gồm 40m² đất lối đi là không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất thực tế hộ ông L sử dụng nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai 2013. Vì vậy, quyết định giải quyết khiếu nại số 426/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã không chấp nhận khiếu nại của ông L, đồng thời giao nhiệm vụ cho Phòng T, Chi nhánh Văn phòng Đ2 tham mưu thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông L, cập nhật chỉnh lý hồ sơ địa chính là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo bổ sung tại phiên toà phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét huỷ Bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính trong giai đoạn thụ lý, xét xử sơ thẩm, không có vi phạm nghiêm trọng nào về thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi hợp pháp của đương sự; về nội dung, Toà án cấp sơ thẩm xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó, không có căn cứ để huỷ Bản án sơ thẩm theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng yêu cầu khởi kiện của ông L về việc: Huỷ quyết định giải quyết khiếu nại số 426/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và buộc Ủy ban nhân dân huyện T công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 40m² hiện đang là lối đi vào nhà ông Nguyễn Văn H1, tại thôn A, xã B, huyện T thuộc thửa số 991, tờ bản đồ số 3 cho gia đình ông theo Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 21/5/1994 của UBND huyện T, là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ và đúng pháp luật. Kháng cáo của ông Trần L về sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo về đề nghị huỷ Bản án sơ thẩm là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Mặc dù kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông Trần L là người trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí phúc thẩm hành chính. Do đó, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông L được miễn án phí Hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trần L, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; Điều 116; Điều 158; điểm a, khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 1998), điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 của Luật Khiếu nại năm 2011; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần L về việc: Hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 426/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và buộc Ủy ban nhân dân huyện T công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 40m², tại thôn A, xã B, huyện T thuộc thửa số 991, tờ bản đồ số 3 cho gia đình ông theo Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 21/5/1994 của UBND huyện T.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần L được miễn án phí Hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường